

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động
của Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Bình Định**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 666/QĐ-UBND ngày 21/12/2011 của UBND tỉnh Bình Định về việc thành lập Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Bình Định;

Xét đề nghị của Hội đồng quản lý Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh tại Tờ trình số 200/TTr-QBVMT ngày 12/9/2016 và đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 741/TTr-SNV ngày 28/10/2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Bình Định.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 458/QĐ-UBND ngày 09/8/2012 của UBND tỉnh về việc ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Bình Định.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Nội vụ, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh Bình Định, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố, Hội đồng quản lý Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Bình Định và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Quỹ BVMTVN;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- PVP NN;
- Trung tâm Công báo;
- Lưu: VT, K4, K7, K12. *Phm*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
CHỦ TỊCH**



Phan Cao Thắng

ĐIỀU LỆ

Tổ chức và hoạt động của Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Bình Định
(Ban hành kèm theo Quyết định số **4025/QĐ-UBND**
ngày **08/11/2016** của UBND tỉnh)

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Tên gọi, địa vị pháp lý, chức năng trụ sở và mô hình hoạt động

1. Tên gọi:

- Tên tiếng Việt: Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Bình Định;
- Tên tiếng Anh: Binh Dinh Environment Protection Fund; viết tắt là BDEPF.

2. Địa vị pháp lý: Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Bình Định là tổ chức tài chính nhà nước trực thuộc UBND tỉnh Bình Định; có tư cách pháp nhân, có con dấu, được mở tài khoản tại Kho bạc nhà nước và các ngân hàng thương mại hoạt động hợp pháp tại Việt Nam; chịu sự quản lý nhà nước về các hoạt động tài chính của các cơ quan quản lý nhà nước về tài chính và kiểm toán nhà nước theo quy định của pháp luật hiện hành.

3. Chức năng: Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Bình Định (sau đây gọi tắt là Quỹ) có chức năng tiếp nhận các nguồn vốn từ ngân sách nhà nước, các nguồn tài trợ, đóng góp, ủy thác của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước và các nguồn khác theo quy định của pháp luật nhằm hỗ trợ tài chính (bao gồm: cho vay, hỗ trợ, tài trợ, đồng tài trợ) cho các hoạt động về bảo vệ môi trường, bảo tồn tài nguyên thiên nhiên và đa dạng sinh học, các hoạt động ứng phó với biến đổi khí hậu không thuộc kế hoạch ngân sách trên phạm vi địa bàn tỉnh.

4. Trụ sở hoạt động: Đặt tại số nhà 387, đường Trần Hưng Đạo, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

5. Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh hoạt động theo mô hình đơn vị sự nghiệp công lập, tự đảm bảo toàn bộ kinh phí hoạt động thường xuyên.

Điều 2. Mục đích và nguyên tắc hoạt động

1. Mục đích: Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh hoạt động nhằm mục đích hỗ trợ tài chính cho các chương trình, dự án, các hoạt động, nhiệm vụ bảo vệ môi trường, bảo tồn tài nguyên thiên nhiên và đa dạng sinh học, các hoạt động ứng phó với

Th

biến đổi khí hậu thực hiện trên địa bàn tỉnh Bình Định góp phần giảm thiểu ô nhiễm môi trường, nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân.

2. Nguyên tắc hoạt động: Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh hoạt động không vì mục đích lợi nhuận nhưng phải bảo toàn vốn điều lệ, tự bù đắp chi phí quản lý. Tổ chức quản lý và sử dụng vốn theo quy định của Điều lệ này và các quy định của pháp luật hiện hành.

3. Quỹ được miễn nộp thuế và các khoản nộp ngân sách nhà nước đối với các hoạt động bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật về thuế và pháp luật về ngân sách nhà nước.

Điều 3. Hoạt động của tổ chức Đảng và các tổ chức đoàn thể trong quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh

1. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam trong Quỹ hoạt động theo Hiến pháp, pháp luật của Nhà nước, Điều lệ và các quy định của Đảng.

2. Các tổ chức đoàn thể trong Quỹ hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp, pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Điều lệ của tổ chức đó.

Chương II NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN

Điều 4. Nhiệm vụ

1. Tiếp nhận, quản lý và sử dụng các nguồn vốn theo quy định tại Điều 11 và Điều 12 Điều lệ này để tạo nguồn vốn hoạt động cho Quỹ.

2. Cho vay với lãi suất ưu đãi đối với các dự án bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh theo quy định tại Điều 14 Điều lệ này và quy định của pháp luật.

3. Hỗ trợ lãi suất sau đầu tư cho các dự án bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh vay vốn từ các tổ chức tín dụng theo quy định tại Điều 15 Điều lệ này và quy định của pháp luật.

4. Tài trợ, đồng tài trợ cho các hoạt động bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh theo quy định tại Điều 16 Điều lệ này và quy định của pháp luật.

5. Hỗ trợ đối với các hoạt động ứng phó với biến đổi khí hậu theo quy định của pháp luật.

6. Tổ chức thẩm định, phê duyệt mức, thời gian và hình thức hỗ trợ tài chính đối với các dự án, nhiệm vụ bảo vệ môi trường sử dụng vốn từ Quỹ.

7. Nhận ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản đối với các tổ chức, cá nhân được phép khai thác khoáng sản.

8. Tham gia điều phối, quản lý tài chính các chương trình, dự án bảo vệ môi trường theo sự phân công của UBND tỉnh và quyết định của cấp có thẩm quyền. *UV*

9. Quản lý vốn và tài sản của Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh theo quy định của Điều lệ Quỹ và quy định của pháp luật.

10. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Chủ tịch UBND tỉnh giao.

Điều 5. Quyền hạn

1. Tổ chức Cơ quan điều hành Quỹ và các tổ chức khác phục vụ hoạt động của Quỹ phù hợp với Điều lệ Quỹ và quy định hiện hành của Nhà nước.

2. Kiểm tra định kỳ và đột xuất các đơn vị sử dụng vốn của quỹ trong việc triển khai các hoạt động, nhiệm vụ và dự án bảo vệ môi trường. Quỹ có quyền rút vốn vay, đình chỉ tài trợ hoặc hỗ trợ đối với các chủ đầu tư vi phạm cam kết với Quỹ hoặc vi phạm các quy định của Nhà nước và khởi kiện các chủ đầu tư đó tới các cơ quan có thẩm quyền theo quy định pháp luật.

3. Được mời các chuyên gia của các sở, ngành và tổ chức có liên quan tham gia Hội đồng tư vấn các hoạt động, nhiệm vụ và dự án bảo vệ môi trường xin vay vốn, tài trợ hoặc xin hỗ trợ và phục vụ cho các hoạt động liên quan khác của Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh.

4. Cán bộ làm việc cho Quỹ được hưởng chế độ lương, thưởng, phúc lợi theo quy định đối với đơn vị sự nghiệp công lập.

5. Từ chối yêu cầu của bất cứ tổ chức hoặc cá nhân nào về việc cung cấp thông tin và các nguồn lực khác của Quỹ nếu yêu cầu đó trái với quy định của pháp luật và Điều lệ này.

6. Được hợp tác với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước phù hợp với quy định của pháp luật để kêu gọi, thu hút và tiếp nhận tài trợ hoặc huy động vốn bổ sung cho Quỹ.


7. Được cử công chức, viên chức và nhân viên của Quỹ ra nước ngoài công tác, học tập, tham quan, khảo sát theo đúng quy định của pháp luật và phân cấp quản lý của UBND tỉnh.

8. Sử dụng vốn nhân rồi không có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước và có sự thỏa thuận của tổ chức, cá nhân cung cấp vốn để mua trái phiếu Chính phủ theo quy định của pháp luật.

9. Được quản lý, sử dụng vốn và tài sản được giao, vốn huy động để thực hiện các nhiệm vụ của Quỹ theo quy định của pháp luật hiện hành và Điều lệ này.

Chương III TỔ CHỨC BỘ MÁY

Điều 6. Cơ cấu tổ chức

1. Bộ máy quản lý và điều hành của Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh gồm có: Hội đồng quản lý Quỹ, Ban Kiểm soát Quỹ và Cơ quan điều hành Quỹ. 

2. Quỹ được thành lập các hội đồng tư vấn chuyên ngành để giúp Quỹ thẩm định, xác định các chương trình, dự án đề nghị hỗ trợ tài chính.

Hội đồng tư vấn chuyên ngành hoạt động theo quy chế do Hội đồng quản lý Quỹ ban hành.

Điều 7. Hội đồng quản lý Quỹ

1. Hội đồng quản lý Quỹ gồm có: Chủ tịch, Phó Chủ tịch và các ủy viên.

- Chủ tịch Hội đồng là Phó Chủ tịch UBND tỉnh;

- Phó Chủ tịch Hội đồng là lãnh đạo Sở Tài nguyên và Môi trường;

- Các ủy viên Hội đồng Quản lý Quỹ là lãnh đạo các sở, ngành: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh tỉnh Bình Định.

Hội đồng quản lý Quỹ hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm, có nhiệm kỳ 05 (năm) năm và do Chủ tịch UBND tỉnh quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm.

Hội đồng quản lý Quỹ sử dụng bộ máy và con dấu của Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh trong việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn của mình theo Điều lệ.

Kinh phí hoạt động của Hội đồng quản lý Quỹ được hạch toán vào chi phí quản lý của Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh.

2. Hội đồng quản lý Quỹ có các nhiệm vụ và quyền hạn sau:

a) Quyết định phương hướng, kế hoạch hoạt động, huy động vốn, hỗ trợ, tài trợ tài chính, phê duyệt kế hoạch tài chính của Quỹ;

b) Kiểm tra, giám sát Cơ quan điều hành Quỹ trong việc chấp hành các chủ trương, chính sách, quy định của pháp luật và việc thực hiện các quyết định của Hội đồng;

c) Phê duyệt chương trình hoạt động của Ban Kiểm soát; Kiểm tra báo cáo kết quả kiểm soát hoạt động của Ban Kiểm soát;

d) Phê duyệt danh mục, tiêu chí lựa chọn hỗ trợ tài chính của Quỹ;


đ) Quyết định mức, thẩm quyền quyết định hỗ trợ tài chính của Giám đốc Quỹ;

e) Giải quyết theo quy định của pháp luật các khiếu nại của tổ chức, cá nhân vay vốn hoặc nhận hỗ trợ từ Quỹ;

g) Quyết định thành lập các hội đồng tư vấn chuyên ngành;

h) Trình UBND tỉnh việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ.

3. Nhiệm vụ và quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ:

a) Chịu trách nhiệm về công việc của Hội đồng quản lý Quỹ, tổ chức phân công nhiệm vụ cho các ủy viên để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản lý Quỹ và chịu trách nhiệm về các quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ trước Chủ tịch UBND tỉnh; 

b) Ký, ban hành các nghị quyết, quyết định và các văn bản thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản lý Quỹ;

c) Ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản lý Quỹ thực hiện một số nhiệm vụ quyền hạn của mình. Người được ủy quyền phải chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ về công việc được ủy quyền;

d) Triệu tập, chủ trì và phân công thành viên Hội đồng quản lý Quỹ chuẩn bị nội dung cho các cuộc họp;

đ) Bổ nhiệm, miễn nhiệm Trưởng ban và các thành viên của Ban Kiểm soát; trình Chủ tịch UBND tỉnh bổ nhiệm, miễn nhiệm Giám đốc, Phó Giám đốc Quỹ.

4. Chế độ làm việc của Hội đồng quản lý Quỹ:

a) Hội đồng quản lý Quỹ làm việc theo chế độ tập thể, sáu tháng họp một lần để xem xét và quyết định những vấn đề thuộc thẩm quyền. Khi cần thiết, Hội đồng quản lý Quỹ có thể họp bất thường theo triệu tập của Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ;

b) Chủ tịch Hội đồng Quản lý Quỹ triệu tập và chủ trì các cuộc họp của Hội đồng. Các thành viên khác dự họp mà không phải là ủy viên của Hội đồng quản lý Quỹ do Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ quyết định mời dự họp. Trường hợp vắng mặt, Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ ủy quyền cho Phó Chủ tịch Hội đồng triệu tập và chủ trì cuộc họp;

c) Các cuộc họp của Hội đồng quản lý Quỹ có một số nội dung liên quan đến các ngành, địa phương, nhưng các đơn vị này không có người đại diện là ủy viên của Hội đồng quản lý Quỹ thì được mời dự họp để tham gia ý kiến nhưng không biểu quyết;


d) Các cuộc họp của Hội đồng quản lý Quỹ được coi là họp lệ khi ít nhất có 2/3 tổng số ủy viên có mặt. Ủy viên không trực tiếp dự họp có quyền biểu quyết thông qua bỏ phiếu bằng văn bản. Phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ chậm nhất là một giờ trước giờ khai mạc cuộc họp.

Nghị quyết của Hội đồng quản lý phải được trên 50% tổng số thành viên tham dự biểu quyết tán thành. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ.

Điều 8. Ban Kiểm soát Quỹ

1. Ban Kiểm soát Quỹ gồm có: Trưởng ban và các thành viên do Hội đồng quản lý Quỹ bổ nhiệm, miễn nhiệm. Nhiệm kỳ hoạt động của Ban Kiểm soát Quỹ tương ứng với nhiệm kỳ của Hội đồng quản lý Quỹ và hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm.

Kinh phí hoạt động của Ban Kiểm soát Quỹ được hạch toán vào chi phí quản lý của Quỹ.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm soát Quỹ: 

a) Xây dựng kế hoạch công tác trình Hội đồng quản lý Quỹ và tổ chức thực hiện một cách độc lập;

b) Kiểm tra, giám sát các hoạt động của Quỹ theo quy định của pháp luật, Điều lệ của Quỹ và các quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ;

c) Thực hiện các nhiệm vụ khác trong phạm vi chức năng của Ban Kiểm soát do Hội đồng quản lý Quỹ yêu cầu;

d) Giúp Hội đồng quản lý Quỹ xem xét giải quyết các khiếu nại của tổ chức, cá nhân về các vấn đề có liên quan đến hoạt động của Quỹ.

Điều 9. Cơ quan điều hành Quỹ.

1. Cơ quan điều hành Quỹ gồm có: Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và một số cán bộ chuyên môn (trước mắt tạm thời chưa thành lập các phòng chuyên môn).

a) Giám đốc Quỹ do Chủ tịch UBND tỉnh bổ nhiệm, miễn nhiệm trên cơ sở đề nghị của Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ; là người đại diện pháp nhân của Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh trong các quan hệ pháp lý, chịu trách nhiệm trước pháp luật và Hội đồng quản lý Quỹ về toàn bộ hoạt động của Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh;

b) Phó Giám đốc Quỹ do Chủ tịch UBND tỉnh bổ nhiệm, miễn nhiệm trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Quỹ và sự chấp thuận của Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ; Phó Giám đốc Quỹ là người giúp Giám đốc điều hành và thực hiện các nhiệm vụ theo sự phân công của Giám đốc Quỹ và chịu trách nhiệm trước Giám đốc Quỹ và pháp luật đối với nhiệm vụ được phân công;


c) Kế toán trưởng là người giúp việc cho Giám đốc Quỹ, có trách nhiệm và quyền hạn theo quy định của Luật Kế toán, chịu trách nhiệm trước Giám đốc Quỹ, Chủ tịch Hội đồng Quản lý Quỹ và trước pháp luật về thực hiện nhiệm vụ được giao. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Kế toán trưởng theo quy định của pháp luật hiện hành;

d) Số lượng người làm việc:

- Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ, khối lượng công việc được giao Giám đốc Quỹ có trách nhiệm xây dựng, sửa đổi, bổ sung Đề án vị trí việc làm trình cấp có thẩm quyền phê duyệt để làm cơ sở xác định số lượng người làm việc phù hợp với loại hình đơn vị sự nghiệp tự đảm bảo toàn bộ kinh phí hoạt động thường xuyên.

- Xây dựng kế hoạch và tổ chức tuyển dụng lao động của Quỹ trên cơ sở nhu cầu công việc, vị trí việc làm, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp đối với viên chức, quỹ tiền lương được giao và theo quy định của pháp luật.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc Quỹ:

a) Tổ chức, điều hành các hoạt động của Cơ quan điều hành Quỹ theo Điều lệ, chỉ đạo của Hội đồng quản lý Quỹ và các quy định của pháp luật; 

b) Thực hiện việc tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức, người lao động của Quỹ theo quy định của pháp luật.

c) Xây dựng kế hoạch thu chi tài chính, kế hoạch hỗ trợ tài chính của Quỹ hàng năm trình Hội đồng quản lý Quỹ phê duyệt và tổ chức thực hiện sau khi được phê duyệt;

d) Báo cáo định kỳ về tình hình huy động vốn, hỗ trợ tài chính của Quỹ với Hội đồng quản lý Quỹ;

đ) Đề xuất thành lập các Hội đồng tư vấn chuyên ngành, mời các chuyên gia và tổng hợp ý kiến tư vấn trình Hội đồng quản lý Quỹ xem xét, quyết định;

e) Ban hành quy định, quy chế làm việc của Cơ quan điều hành Quỹ;

g) Đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ, trình Chủ tịch UBND tỉnh xem xét bổ nhiệm, miễn nhiệm chức danh Phó Giám đốc Quỹ theo quy định;

h) Quản lý, sử dụng vốn, tài sản và các nguồn lực khác của Quỹ theo quy định của pháp luật và Điều lệ này;

i) Bổ nhiệm, miễn nhiệm các Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng chuyên môn thuộc Quỹ sau khi có sự chấp thuận của Chủ tịch Hội đồng Quản lý Quỹ, thực hiện theo quy định của Đảng, Nhà nước và theo phân cấp quản lý cán bộ, công chức, viên chức của UBND tỉnh;

k) Tham gia các phiên họp của Hội đồng Quản lý Quỹ.

Điều 10. Hội đồng tư vấn chuyên ngành

1. Hội đồng tư vấn chuyên ngành có từ 05 đến 07 thành viên do Giám đốc Quỹ đề nghị Hội đồng quản lý Quỹ quyết định thành lập để thực hiện việc tư vấn cho Quỹ trong việc đánh giá, tuyển chọn, thẩm định các chương trình, dự án, nhiệm vụ và hoạt động bảo vệ môi trường được đề nghị hỗ trợ tài chính.

2. Thành viên của Hội đồng tư vấn chuyên ngành phải có năng lực, phẩm chất, trình độ chuyên môn phù hợp với nội dung được đề nghị hỗ trợ tài chính.

3. Hội đồng tư vấn chuyên ngành làm việc theo quy chế do Hội đồng quản lý Quỹ quyết định.

4. Chi phí cho hoạt động của Hội đồng tư vấn chuyên ngành được hạch toán vào chi phí quản lý của Quỹ.

CHƯƠNG IV NGUỒN VỐN VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TỈNH

Điều 11. Vốn điều lệ

Vốn điều lệ của Quỹ là 10 (mười) tỷ đồng do ngân sách tỉnh cấp trong thời hạn 05 (năm) năm kể từ năm 2012. Việc thay đổi vốn điều lệ do Chủ tịch UBND

tỉnh quyết định theo đề nghị của Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư.

2. Vốn điều lệ của Quỹ Bảo vệ môi trường được bổ sung hàng năm từ các nguồn sau:

- Ngân sách nhà nước cấp theo quy định của pháp luật (nếu có).
- Trích 10% tiền lãi cho vay thu được từ các dự án cho vay vốn của Quỹ để bổ sung vốn điều lệ.
- Trích 10% chênh lệch tiền lãi tiền gửi thu được (sau khi trả lãi tiền gửi của các đơn vị ký quỹ) bổ sung vốn điều lệ.

Điều 12. Vốn hoạt động bổ sung hàng năm từ các nguồn khác

1. Ngân sách tỉnh chi sự nghiệp môi trường cấp bù kinh phí tài trợ, hỗ trợ cho các dự án, nhiệm vụ bảo vệ môi trường đã thực hiện hàng năm và bổ sung vốn hoạt động cho Quỹ.

2. Phí bảo vệ môi trường.

3. Các khoản bồi thường cho Nhà nước về thiệt hại môi trường.

4. Các khoản hỗ trợ, đóng góp, ủy thác đầu tư của tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước cho lĩnh vực bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu.

5. Các nguồn vốn bổ sung khác theo quy định của pháp luật.

6. Việc tiếp nhận và sử dụng các nguồn vốn bổ sung hàng năm được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.


Điều 13. Đối tượng được hỗ trợ tài chính của Quỹ

Đối tượng được hỗ trợ tài chính từ Quỹ là các tổ chức, cá nhân có chương trình, dự án hoạt động và nhiệm vụ bảo vệ môi trường có mục tiêu cải thiện, nâng cao chất lượng môi trường; phòng, chống, khắc phục ô nhiễm, suy thoái và sự cố môi trường; nâng cao nhận thức bảo vệ môi trường cho cộng đồng; bảo tồn tài nguyên thiên nhiên và đa dạng sinh học; các hoạt động ứng phó với biến đổi khí hậu. Hội đồng quản lý Quỹ quyết định danh mục đối tượng, danh mục ưu tiên hỗ trợ tài chính trong từng thời kỳ.

Đối tượng được hỗ trợ tài chính phải đáp ứng các quy định cho từng phương thức hỗ trợ quy định tại Điều lệ này.

Điều 14. Cho vay với lãi suất ưu đãi

1. Đối tượng vay vốn với lãi suất ưu đãi là các tổ chức, cá nhân thuộc mọi thành phần kinh tế có nhu cầu và đề nghị vay vốn để thực hiện hoạt động bảo vệ môi trường phù hợp với quy định tại Điều 13 Điều lệ này.

Căn cứ vào khả năng nguồn vốn của Quỹ dùng cho hoạt động cho vay và tình hình bảo vệ môi trường trong từng thời kỳ, Hội đồng quản lý Quỹ quyết định danh mục, tiêu chí, lựa chọn cho vay của Quỹ. 

2. Quỹ cho vay theo nguyên tắc có hoàn trả và có lãi. Các đối tượng vay vốn phải sử dụng vốn đúng mục đích, có khả năng tài chính để hoàn trả đầy đủ và đúng hạn vốn vay.

3. Điều kiện, thủ tục, hồ sơ vay vốn, việc giám sát quá trình vay vốn, trả nợ, gia hạn nợ, chuyển nợ quá hạn thực hiện theo quy chế nghiệp vụ của Quỹ do Hội đồng quản lý Quỹ ban hành.

4. Mức vốn cho vay và thẩm quyền quyết định mức cho vay:

a) Hội đồng quản lý Quỹ quyết định mức vốn cho vay tối đa theo từng thời kỳ. Mức vốn cho vay của Quỹ không vượt quá 70% tổng mức đầu tư của chương trình, dự án đầu tư bảo vệ môi trường và không vượt mức cho vay tối đa của Hội đồng quản lý Quỹ quy định;

b) Giám đốc Quỹ quyết định mức vốn cho vay dưới một tỷ đồng đối với một khách hàng, nhóm khách hàng có liên quan.

Hội đồng quản lý Quỹ quyết định cho vay đối với các khoản vay có giá trị trên mức quyết định của Giám đốc Quỹ.

5. Thời hạn cho vay được xác định phù hợp với khả năng nguồn vốn của Quỹ, điều kiện cụ thể của chương trình, dự án vay vốn và khả năng trả nợ của khách hàng vay, nhưng tối đa không quá 05 (năm) năm. Trường hợp đặc biệt do Hội đồng quản lý Quỹ quyết định nhưng không quá 07 (bảy) năm.

6. Lãi suất cho vay của Quỹ là lãi suất ưu đãi, với lãi suất tối đa không quá 50% mức lãi suất tín dụng đầu tư của Nhà nước do cơ quan có thẩm quyền công bố tại thời điểm cho vay. Hội đồng quản lý Quỹ quyết định mức lãi suất cho vay cụ thể trong từng thời kỳ.

7. Bảo đảm tiền vay

a) Quỹ cho vay trên cơ sở có tài sản bảo đảm bằng các hình thức cầm cố, thế chấp, bảo lãnh của bên thứ ba hoặc dùng tài sản hình thành từ vốn vay để bảo đảm. Trình tự, thủ tục bảo đảm tiền vay, xử lý tài sản bảo đảm thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo đảm tiền vay;

b) Trường hợp đặc biệt, việc cho vay không có bảo đảm bằng tài sản đối với từng chương trình, dự án do Hội đồng quản lý Quỹ xem xét, quyết định.

8. Trích lập dự phòng rủi ro đối với hoạt động cho vay

a) Quỹ được trích lập dự phòng rủi ro hàng năm để xử lý bù đắp các rủi ro trong cho vay theo quy định về phân loại nợ trích lập và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro cho vay trong hoạt động của tổ chức tài chính quy mô nhỏ hiện hành của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, cụ thể:

- Dự phòng rủi ro là khoản tiền được trích lập để dự phòng cho những tổn thất có thể xảy ra do khách hàng của Quỹ không thực hiện nghĩa vụ theo cam kết vay. Dự phòng rủi ro được tính theo dư nợ gốc và hạch toán vào chi phí hoạt động của Quỹ. Dự phòng rủi ro bao gồm: Dự phòng cụ thể và Dự phòng chung. VH

- Dự phòng cụ thể là khoản tiền được trích lập trên cơ sở phân loại nợ để dự phòng cho những tổn thất có thể xảy ra đối với từng nhóm nợ. Hội đồng quản lý Quỹ quyết định tỷ lệ trích lập dự phòng cụ thể trong từng thời kỳ.

- Dự phòng chung là khoản tiền được trích lập để dự phòng cho những tổn thất chưa xác định được trong quá trình phân loại nợ và trích lập dự phòng cụ thể và trong các trường hợp khó khăn về tài chính của Quỹ khi chất lượng các khoản nợ suy giảm. Dự phòng chung bằng 1% dư nợ gốc cho vay của Quỹ.

b) Nếu thu hồi được khoản cho vay đã xử lý bằng kinh phí dự phòng rủi ro thì được hạch toán vào thu nhập khác của Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh;

c) Cuối năm, nếu không sử dụng hết Quỹ dự phòng rủi ro, số dư của Quỹ được chuyển sang Quỹ dự phòng rủi ro năm sau. Trường hợp số dư Quỹ dự phòng rủi ro không đủ bù đắp tổn thất phát sinh trong năm thì Hội đồng quản lý Quỹ báo cáo UBND tỉnh xem xét quyết định.

9. Xử lý rủi ro và thẩm quyền xử lý rủi ro.

a) Khoản kinh phí dự phòng rủi ro được sử dụng để bù đắp các khoản cho vay không có khả năng thu hồi do đối tượng vay vốn của Quỹ gặp phải những rủi ro khách quan, bất khả kháng nên không hoàn trả được một phần hoặc toàn bộ vốn vay;

b) Hội đồng quản lý Quỹ quyết định gia hạn nợ trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Quỹ. Thời hạn gia hạn nợ tối đa bằng 1/3 thời hạn vay ghi trong hợp đồng tín dụng;

c) Việc khoan nợ và xóa nợ do Chủ tịch UBND tỉnh quyết định trên cơ sở đề nghị của Hội đồng quản lý Quỹ;

d) Khoản bù đắp rủi ro trong các trường hợp gia hạn nợ, khoan nợ và xóa nợ được lấy từ quỹ dự phòng rủi ro của Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh.

Điều 15. Hỗ trợ lãi suất sau đầu tư

1. Đối tượng được hỗ trợ lãi suất sau đầu tư là các tổ chức, cá nhân có dự án thuộc đối tượng quy định tại Điều 13 Điều lệ này có vay vốn của tổ chức tín dụng khác thì được xem xét, hỗ trợ lãi suất vay vốn sau đầu tư của Quỹ.

2. Nguyên tắc, điều kiện để các dự án được xem xét hỗ trợ lãi suất sau đầu tư:

- Dự án đầu tư đã hoàn thành, đưa vào sử dụng và hoàn trả được vốn vay cho tổ chức tín dụng.

- Dự án đã được cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường ở Trung ương hoặc địa phương xác nhận thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ bảo vệ môi trường hoặc đã giải quyết được các vấn đề môi trường.

- Dự án chưa được vay vốn hoặc tài trợ bằng nguồn vốn hoạt động từ Quỹ. *ylw*

Việc cấp kinh phí hỗ trợ lãi suất sau đầu tư được tiến hành một năm một lần trên cơ sở số nợ gốc và lãi dự án đã trả cho tổ chức tín dụng mà không vay vốn tại Quỹ.

3. Mức hỗ trợ lãi suất sau đầu tư do Hội đồng quản lý Quỹ quyết định theo từng thời kỳ, nhưng đảm bảo tối đa không quá 45% mức lãi suất tín dụng đầu tư của Nhà nước do Bộ Tài chính công bố tại thời điểm ký hợp đồng hỗ trợ lãi suất.

4. Mức hỗ trợ cụ thể cho từng dự án do Hội đồng quản lý Quỹ quyết định. Tổng kinh phí hỗ trợ lãi suất sau đầu tư của Quỹ trong năm không vượt quá 20% vốn hoạt động bổ sung hàng năm quy định tại Điều 12 Điều lệ này.

5. Trình tự, thủ tục hỗ trợ lãi suất sau đầu tư và thẩm quyền quyết định thực hiện theo quy chế của Quỹ và các quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 16. Tài trợ và đồng tài trợ

1. Quỹ tài trợ cho tổ chức, cá nhân có các chương trình, dự án, hoạt động bảo vệ môi trường sau:

a) Xử lý, khắc phục ô nhiễm môi trường, ứng phó khắc phục hậu quả do sự cố môi trường hoặc thiên tai gây ra;

b) Phổ biến, tuyên truyền về quản lý, khai thác tài nguyên môi trường biển và hải đảo, nâng cao nhận thức cho cộng đồng về bảo vệ môi trường;

c) Tổ chức, hỗ trợ các giải thưởng về môi trường, các hình thức khen thưởng, nhằm tôn vinh tổ chức, cá nhân điển hình tiên tiến về bảo vệ môi trường;

d) Nghiên cứu, xây dựng, thử nghiệm, phổ biến và nhân rộng các mô hình cộng đồng tham gia bảo vệ môi trường;

đ) Thiết kế các chương trình, dự án nhằm vận động sự tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước cho bảo vệ môi trường;


e) Đào tạo chuyển giao công nghệ thân thiện với môi trường, sản xuất sạch hơn, các giải pháp phòng, chống, hạn chế và khắc phục sự cố môi trường;

g) Các chương trình, kế hoạch, dự án về bảo vệ môi trường theo Quyết định của UBND tỉnh.

2. Quỹ được hợp tác với tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước để đồng tài trợ tài chính cho các nhiệm vụ và hoạt động bảo vệ môi trường theo quy định tại Điều lệ này và phù hợp với cam kết của phía tài trợ.

3. Quỹ được sử dụng không quá 30% vốn hoạt động bổ sung hàng năm để tài trợ và đồng tài trợ. Mức tài trợ cụ thể cho từng dự án do Hội đồng quản lý Quỹ quyết định.

4. Trình tự thủ tục thực hiện tài trợ và đồng tài trợ, danh mục tài trợ thực hiện theo quy chế nghiệp vụ của Quỹ và các quy định của pháp luật hiện hành.

5. Việc sử dụng nguồn vốn hoạt động bổ sung để tài trợ và đồng tài trợ thực hiện theo các quy định của pháp luật hiện hành. 

Điều 17. Nhận ủy thác và ủy thác

1. Quỹ được nhận ủy thác cho vay, thu hồi nợ và tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước theo hợp đồng nhận ủy thác. Quỹ được hưởng mức phí dịch vụ nhận ủy thác. Mức phí dịch vụ nhận ủy thác do các bên thỏa thuận và ghi trong hợp đồng nhận ủy thác.

2. Quỹ được quyền ủy thác cho các tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính thực hiện cho vay và thu hồi nợ theo hợp đồng ủy thác. Các tổ chức nhận ủy thác được hưởng mức phí dịch vụ nhận ủy thác. Mức phí dịch vụ nhận ủy thác do các bên thỏa thuận và ghi trong hợp đồng ủy thác.

Điều 18. Đầu tư trái phiếu

1. Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh được phép sử dụng vốn nhàn rỗi không có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước để mua trái phiếu Chính phủ theo quy định của pháp luật trên cơ sở có sự đồng ý của tổ chức, cá nhân cung cấp vốn đó.

2. Tổng mức vốn để mua các trái phiếu Chính phủ quy định tại khoản 1 Điều này không được vượt quá 50% tổng số vốn nhàn rỗi.

Chương V CƠ CHẾ TÀI CHÍNH

Điều 19. Xây dựng kế hoạch

1. Hàng năm, Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh có trách nhiệm lập và xây dựng kế hoạch về vốn và sử dụng vốn cho hoạt động tài chính của Quỹ.

2. Lập dự toán thu, chi tài chính cho hoạt động bộ máy của Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh theo Điều lệ này và hướng dẫn của Sở Tài chính.

Điều 20. Chế độ tài chính, kế toán

1. Năm tài chính của Quỹ Bảo vệ môi trường bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 của năm đó. Chi phí cho hoạt động quản lý và điều hành bộ máy được lấy từ các nguồn thu của Quỹ, không bao gồm nguồn vốn điều lệ và vốn hoạt động bổ sung hàng năm.

2. Chế độ tài chính, chế độ kế toán của Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

3. Kết quả hoạt động tài chính của Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh là chênh lệch thu, chi tài chính thực hiện trong năm, được xác định giữa tổng thu nhập trừ tổng chi phí phát sinh trong năm.

Điều 21. Kiểm toán

Hàng năm, Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh tổ chức kiểm toán nội bộ hoặc thuê kiểm toán độc lập. Kết quả kiểm toán phải báo cáo kịp thời với Giám đốc, Ban Kiểm soát và Hội đồng quản lý Quỹ. *YH*

Điều 22. Báo cáo tài chính và phê duyệt báo cáo tài chính

Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh lập và gửi các báo cáo nghiệp vụ, báo cáo thống kê, báo cáo kế toán và các báo cáo định kỳ hoặc đột xuất theo quy định hiện hành.

Điều 23. Phân phối chênh lệch thu chi tài chính

Hàng năm, sau khi hạch toán đầy đủ các khoản chi phí, nộp thuế và các khoản nộp ngân sách nhà nước khác (nếu có) theo quy định, phần chênh lệch thu lớn hơn chi thường xuyên (nếu có), Quỹ được sử dụng theo quy định hiện hành của nhà nước và cụ thể hóa trong Quy chế quản lý tài chính được UBND tỉnh ban hành.

Chương VI

XỬ LÝ TRANH CHẤP, TỔ CHỨC LẠI, GIẢI THỂ

Điều 24. Mọi tranh chấp giữa Quỹ với tổ chức, cá nhân có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động của Quỹ được xử lý theo pháp luật hiện hành.

Điều 25. Việc tổ chức lại hoặc giải thể Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh do Hội đồng quản lý Quỹ phối hợp với Sở Tài chính, Sở Nội vụ trình UBND tỉnh quyết định.

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 26. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ

Việc sửa đổi bổ sung Điều lệ về tổ chức và hoạt động của Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh do Hội đồng quản lý Quỹ trình UBND tỉnh quyết định.

Điều 27. Tổ chức thực hiện

Hội đồng quản lý Quỹ, cơ quan điều hành Quỹ, Thủ trưởng các sở, ban, ngành liên quan triển khai tổ chức thực hiện Điều lệ này và các quy định của pháp luật có liên quan. / YH Bm

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Phan Cao Thắng